

Bản án số: 52/2023/HC-PT

Ngày: 15/02/2023

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính  
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* ông Vũ Thanh Liêm

*Các Thẩm phán:* ông Trương Minh Tuấn

ông Đặng Kim Nhân

**- Thư ký phiên tòa:** bà Đinh Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** ông Phạm Tấn Ánh – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 197/2022/TLPT-HC ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2022/HC-ST ngày 17 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh KONTUM bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 674/2023/QĐPT-HC ngày 01 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

*Người khởi kiện:* ông Hà Trọng M, sinh năm 1970. Địa chỉ: số 01 N, thành phố K, tỉnh KONTUM, vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:* ông Trương Văn H. Địa chỉ: tỉnh Gia Lai, có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Người bị kiện:*

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh KONTUM.

*Người đại diện theo ủy quyền:* ông Nguyễn Ngọc S, chức vụ: Phó Chủ tịch, có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND tỉnh KONTUM:* ông Trương Đ, chức vụ: Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh KONTUM, có mặt.

- Ủy ban nhân dân thành phố K, tỉnh KONTUM và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố K, tỉnh KONTUM. Địa chỉ: thành phố K, tỉnh KONTUM.

*Người đại diện theo ủy quyền:* ông Dương Anh H, chức vụ: Phó Chủ tịch, vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Hà Thị Xuân H, sinh năm 1966.

- Bà Hà Thị Xuân T, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: thành phố K, tỉnh KONTUM.

- Bà Hà Thị Bích N, sinh năm 1972.

- Bà Hà Thị Xuân T, sinh năm 1976.

- Ông Hà Trọng H, sinh năm 1980.

- Ông Hà Trọng T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: thành phố K, tỉnh KONTUM.

*Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị Xuân H, bà Hà Thị Xuân T, bà Hà Thị Bích N, bà Hà Thị Xuân T, ông Hà Trọng H, ông Hà Trọng T:* ông Trương Văn H. Địa chỉ: tỉnh Gia Lai, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Lê Thị H. Địa chỉ: thành phố K, tỉnh KONTUM, vắng mặt.

- Ông Lâm H S, sinh năm 1948 và bà Nguyễn Thị Quốc K, sinh năm 1962.

Cùng địa chỉ: thành phố K, tỉnh KONTUM, vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Quốc K:* ông Lâm H S, vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố K, tỉnh KONTUM.

*Người đại diện theo ủy quyền:* ông Trần Huy T, chức vụ: Phó Chủ tịch, vắng mặt.

*Người kháng cáo:* người khởi kiện ông Hà Trọng M.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Ý kiến của người khởi kiện ông Hà Trọng M và người đại diện theo ủy quyền ông Trương Văn H trình bày:*

Ông Hà Trọng M có cha là ông H Khắc H và mẹ là bà Phan Thị B được Hợp tác xã gạch ngói T phân chia một lô đất vị trí thứ 37, chiều dài 100m, chiều ngang 20m, tổng diện tích 2.000m<sup>2</sup> theo “Giấy phân chia đất cho xã viên HTX gạch ngói T xây dựng nhà ở và lập kinh tế vườn” số 37/HTX/33/TN ngày 10/10/1981. Lô đất có địa chỉ tại đường L, xã V, thị xã G - K (nay là đường L, phường Q, thành phố K, tỉnh KONTUM), có tứ cận như sau: Đông giáp đường L, dài 20m. Tây giáp đất ông Lê T (*sau này bị người đồng bào lấy và ông Lâm H S đã mua lại của người đồng bào*), dài 20m. Nam giáp lô đất số 36 của ông Hà Trọng T, dài 100m. Bắc giáp đất ông A-L, dài 100m.

Trong quá trình sử dụng 2.000m<sup>2</sup> đất trên, ông H Khắc H đã chuyển nhượng cho 3 hộ, gồm:

- Ông Trần H diện tích 300m<sup>2</sup> (chiều ngang mặt đường L 5m, dài 60m). Việc mua bán ông H Khắc H giao cho con trai là ông Hà Trọng T giao dịch, chuyển nhượng cho ông Trần H.

- Ông Thái Văn T diện tích 420m<sup>2</sup> (chiều ngang mặt đường L 7m; dài 60m);

- Ông Nguyễn Văn S diện tích 240m<sup>2</sup> (chiều ngang mặt đường L 4m; dài 60m). Sau đó ông Nguyễn Văn S và ông Trần H chuyển nhượng lại cho ông Đoàn Phước T.

Tổng diện tích mà ông H Khắc H đã bán cho các hộ trên đang sinh sống và sở hữu thực tế hiện nay là ngang 16m, dài 60m (960m<sup>2</sup>) và toàn bộ phần đất này sau khi chuyển nhượng cho các hộ trên không xảy ra tranh chấp gì từ đó đến nay.

Diện tích đất còn lại của ông H Khắc H nằm phía sau phần đất của ba hộ nêu trên có diện tích là 640m<sup>2</sup> (chiều dài 40m và chiều ngang 16m). Có tứ cận hiện nay như sau: Đông giáp hai hộ Thái Văn T, Đoàn Phước T, ngang 16m. Tây giáp đất ông Lâm H S (*mua lại từ ông Hà Trọng T*), ngang 16m. Nam giáp đất ông Lâm H S (*mua lại từ ông Hà Trọng T lô đất số 36*), dài 40m. Bắc giáp đất ông Hà Trọng T, ông Hà Trọng H, dài 40m.

Khi còn sống, do tuổi cao, sức yếu, bệnh nằm liệt giường nhiều năm nên ông H Khắc H đã không thực hiện được thủ tục để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng như thực hiện thủ tục thừa kế theo di chúc. Tuy nhiên, thực tế gia đình ông H (gồm ông Hà Trọng M và những người con khác) được thừa kế toàn bộ phần diện tích đất nêu trên.

Nằm cạnh lô đất của ông H Khắc H là lô đất số 36 của ông Hà Trọng T. Sau đó ông Hà Trọng T chuyển nhượng lại cho ông Lâm H S, ông T chỉ chuyển nhượng phần đất đã mua của ông A-W phía sau lô đất của ông H (có chiều dài 15m và ngang 70m). Từ năm 2005 đến 2018, gia đình ông Lâm H S cũng chỉ sử dụng ổn định phần đất phía lô 36 sau đường L.

Năm 2017, ông H Khắc H chết. Ông Lâm H S đã nộp đơn kê khai phần diện tích đất 640m<sup>2</sup> của gia đình ông Hà Trọng M. Việc ông S tự ý kê khai phần diện tích đất của cha ông Hà Trọng M là ông H Khắc H để lại và UBND phường Q, thành phố K đã xác minh tứ cận phần đất để UBND thành phố K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lâm H S, gia đình ông Hà Trọng M không hề hay biết. Phần diện tích đất này, dù không sử dụng trực tiếp, nhưng người quản lý phần đất này chính là gia đình ông Hà Trọng M.

Ngày 22/11/2018, Ủy ban nhân dân thành phố K đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lâm H S và bà Nguyễn Thị Quốc K, số CP779655,

số vào sổ CH04170, tại thửa đất số 7, tờ bản đồ số 74, vị trí đường L, phường Q, thành phố K, diện tích 7.805,2m<sup>2</sup>. Trong đó có một phần diện tích đất chồng lấn lên 640m<sup>2</sup> của gia đình ông Hà Trọng M do vợ chồng ông H Khắc H, bà Phan Thị B chết để lại. Hiện nay trên đất tranh chấp vẫn bỏ trống, không trồng cây và không có công trình xây dựng.

Ông Hà Trọng M cho rằng: Hồ sơ chuyển nhượng và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa ông Lâm H S và ông Hà Trọng T có dấu hiệu không rõ ràng, có sự mâu thuẫn, có sự hợp thức hóa thủ tục chuyển nhượng. Vì ông Lâm H S mua đất của ông T năm 2000 nhưng theo giấy xác minh năm 2005 ông S vẫn còn ký giáp ranh với ông Hà Trọng T phần đất đã mua của ông A W (chiều ngang 100m và chiều dài 60m) và giấy xác minh năm 2007 không có chữ ký của ông Hà Trọng T; trích lục kèm theo giấy chuyển nhượng giữa ông Hà Trọng T và ông S cũng được hợp thức hóa về tứ cận vì gia đình ông M canh tác bên cạnh diện tích đất này, nhưng không được biết cũng như không xác nhận giáp ranh liền kề.

Ông Hà Trọng M đã nhiều lần đề nghị ông Lâm H S cắt phần đất 640m<sup>2</sup> đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông S trả lại cho gia đình ông M nhưng ông S không đồng ý; hai bên không thống nhất và không hòa giải được.

Do đó, ông Hà Trọng M đã làm đơn khiếu nại (lần đầu) gửi đến UBND thành phố K.

Tại Quyết định số 1778/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố K “về việc giải quyết khiếu nại của ông Hà Trọng M (lần đầu)” có nội dung quyết định: *Không công nhận toàn bộ đơn khiếu nại của ông Hà Trọng M với nội dung “khiếu nại Văn bản số 3170/UBND-TD ngày 23/7/2020 của UBND thành phố về việc trả lời đơn của công dân, vì văn bản nêu trên có những nội dung không đúng với thông tư 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; đề nghị xem xét việc cấp GCNQSDĐ cho ông Lâm H S và bà Nguyễn Thị Quốc K đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông Hà Trọng M”.*

Không đồng ý với quyết định nêu trên của Chủ tịch UBND thành phố K. Ngày 15/01/2021 ông Hà Trọng M đã làm đơn khiếu nại lần hai gửi Ủy ban nhân dân tỉnh KONTUM “về việc không đồng ý với Quyết định số 1778/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố K, tỉnh KONTUM” và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh KONTUM thụ lý giải quyết bằng T báo số 10/TB-UBND ngày 21/01/2021.

Ngày 29/3/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh KONTUM đã ban hành Quyết định số 156/QĐ-UBND “Về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của ông Hà Trọng M” với nội dung *“Không công nhận toàn bộ khiếu nại của ông Hà*

*Trọng M, cư trú tại số 01 đường N, tổ 4, phường Q, thành phố K với nội dung: khiếu nại Văn bản số 3170/UBND-TD ngày 23/7/2020 của UBND thành phố K về trả lời đơn của ông Hà Trọng M liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Lâm H S và đề nghị xem xét hủy một phần cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Lâm H S và bà Nguyễn Thị Quốc K liên quan đến diện tích 640m<sup>2</sup> đất của cha, mẹ ông.... Giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1778/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của Chủ tịch UBND thành phố K về việc giải quyết khiếu nại của ông Hà Trọng M”.*

Ông Hà Trọng M không đồng ý với Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 29/3/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh KONTUM. Ông cho rằng: Trong quá trình thanh tra xác minh vụ việc nêu trên, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh KONTUM đã cố tình làm sai lệch toàn bộ hồ sơ đất đai liên quan đến việc khiếu nại của ông, dẫn đến kết luận hoàn toàn sai so với thực tế và Chủ tịch UBND tỉnh KONTUM căn cứ trên kết luận này ra Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 29/3/2021 là không đúng. Bởi các lý do như sau:

Thứ nhất, Trong Quyết định số 156/QĐ-UBND kết luận: “...phần đất ông Thái Văn T và ông Nguyễn Văn S (sau này là ông Đoàn Phước T) đang sử dụng có nguồn gốc ông H Khắc H nhận chuyển nhượng của ông A D vào ngày 10/8/1992, có xác nhận của thôn trưởng A W vào ngày 11 tháng 9 năm 1994, được Ủy ban nhân dân xã V xác nhận ngày 16 tháng 9 năm 1994, diện tích là 700m<sup>2</sup>. Ông H Khắc H chuyển nhượng cho ông Thượng (không biết họ) diện tích 210m<sup>2</sup> với kích thước 3m x 70m (vị trí đất ông Nguyễn Văn S đang sử dụng). Diện tích còn lại chuyển nhượng cho ông Thái Văn T diện tích 490m<sup>2</sup> với kích thước 7m x 70m; được ông Siu B (thôn trưởng P) ký xác nhận ngày 8 tháng 9 năm 1997...” là sai, không đúng với thực tế.

Diện tích đất cha ông M là ông H Khắc H bán cho ông Trần H 300m<sup>2</sup>, ông Nguyễn Văn S 240m<sup>2</sup>; sau này ông H và ông S chuyển nhượng lại cho ông Đoàn Phước T có diện tích 540m<sup>2</sup>, không phải diện tích là 700m<sup>2</sup> trong lô đất nhận chuyển nhượng của ông A D vào ngày 10/8/1992 mà đây là diện tích đất có nguồn gốc từ lô đất số 37 của ông H Khắc H được Hợp tác xã T cấp năm 1981.

Đối với đất ông Thái Văn T đang quản lý, sử dụng là do ông H Khắc H chuyển nhượng cho ông T diện tích là 420m<sup>2</sup> có nguồn gốc từ lô đất số 37 được Hợp tác xã T cấp năm 1981 cấp cho ông H (không phải diện tích 7m x 70m như trong Quyết định số 156/QĐ-UBND kết luận) và ông T cũng chỉ sử dụng ổn định diện tích này.

Trong giấy chuyển nhượng đất giữa ông H Khắc H và ông A D ngày 10/8/1994, sau khi được Chủ tịch UBND xã V lúc đó là ông Trần Mân xác nhận dưới cùng trang 3 (ba) vào ngày 16/9/1994 thì mặt sau trang 3 (là trang 4) của

giấy này còn bỏ trống, ông còn lưu giữ bản sao y này. Nhưng khi tổ xác minh làm việc thì trên giấy này (tại trang 4) có ghi thêm nội dung: “...*tổng diện tích còn là 700m<sup>2</sup>; Trích chuyển cho ông Thượng 3m x 70m còn lại 490m<sup>2</sup>; Chuyển tiếp cho ông Thái Văn T 70m x 7m = 490m<sup>2</sup>...*” và có chữ ký của ông Siu B xác nhận”. Nội dung này không có giá trị vì ghi sau nhưng tổ xác minh lấy đó làm căn cứ để khẳng định các lô đất mà ông H Khắc H bán cho các hộ nêu trên là từ nguồn gốc mua lại của ông A D chứ không phải từ lô đất số 37 mà ông H Khắc H đã được cấp. Ngoài ra, với diện tích đất mà ông H Khắc H mua của ông A D là 10m x 70m không đủ diện tích để bán lại cho 3 hộ gồm ông H, ông S, ông T với tổng cộng là 16m ngang x 70m dài.

Thứ hai, Trong kết luận kết quả xác minh về vị trí lô đất số 37 khẳng định: “...*Vị trí đất của ông H Khắc H được Hợp tác xã gạch ngói cấp đất tại lô số 37, có diện tích là 2.000m<sup>2</sup> vào năm 1981 là đất của 19 hộ gia đình, cá nhân thôn P...*” cũng hoàn toàn thiếu cơ sở, mang tính áp đặt, không có hồ sơ tài liệu rõ ràng.

Thứ ba, kết quả xác minh có nội dung: “...*phần diện tích còn lại của bà Võ Thị S (chồng là ông Đỗ Thanh V) theo bản đồ đo đạc chỉnh lý địa chính chính quy được lập năm 2016 được xác định là của ông H Khắc H đang quản lý, sử dụng tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 72, diện tích 658,1m<sup>2</sup> (theo bản đồ đo đạc địa chính chính quy được chỉnh lý năm 2016). Tuy nhiên, qua rà soát hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H Khắc H tại vị trí này đã xác định có nguồn gốc theo giấy thay đổi quyền sử dụng đất của ông A Thi và ông H Khắc H (giấy trả tiền khai phá vị trí đất trước đây Hợp tác xã gạch ngói T giao cho ông H Khắc H) lập ngày 14 tháng 9 năm 1994 được Thôn trưởng Siu B xác nhận ngày 15 tháng 9 năm 1994. Ngày 28 tháng 10 năm 2013 ông H Khắc H đã được Ủy ban nhân dân thành phố K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 48, tờ số 72, diện tích 872m<sup>2</sup>. Do đó, vị trí đất tại lô số 37 của ông H Khắc H được Hợp tác xã gạch ngói T giao với diện tích 2.000m<sup>2</sup> được xác định tại các thửa đất hiện nay thuộc tờ bản đồ số 72....*” là hoàn toàn sai với thực tế và sai hoàn toàn với chủ trương của Hợp tác xã gạch ngói T năm 1981 vì trong Giấy phân chia đất cho xã viên HTX gạch ngói T xây dựng nhà ở và lập kinh tế vườn số 37 ngày 10/10/1981 có ghi rõ mục đích: “...*để phân chia cho xã viên xây dựng nhà ở và lập kinh tế vườn, đồng thời thuận tiện việc sản xuất gạch, ngói...*”. Lô đất mà ông H Khắc H mua của ông A Thi ngày 14/9/1994 thực tế chính là lô đất thuộc tờ bản đồ số 72 và không phải là lô đất số 37 do Hợp tác xã gạch ngói cấp, bởi vì: trên giấy thay đổi quyền sử dụng đất giữa ông H và ông A Thi có ghi “HTX giao cho ông H Khắc H thuộc tổ 10 phường Q, thị xã K để làm lò gạch” và đã được ông Thôn trưởng Siu B “...*Xác nhận: Ban thôn P xét theo*

*giấy thay đổi quyền sử dụng đất để làm gạch của bà Y Thi P cho ông H Khắc H tổ HTX gạch ngói P với diện tích là 2.000m<sup>2</sup> là đúng sự thật... ”.*

Do đó, kết luận hoàn toàn áp đặt từ việc ông H Khắc H mua đất của ông A Thi sử dụng để làm gạch sau đó cho rằng lô đất có diện tích nêu trên là lô đất số 37 (vì 2 lô đất có diện tích giống nhau là 2.000m<sup>2</sup>), trong khi 2 lô đất trên có nguồn gốc hoàn toàn khác nhau: Lô đất 37 (nay thuộc tờ bản đồ số 74) Hợp tác xã cấp cho cha tôi với mục đích là xây dựng nhà ở và lập kinh tế vườn ổn định đời sống gia đình; còn lô đất cha tôi nhận từ việc thay đổi quyền sử dụng đất của ông A Thi (nay thuộc tờ bản đồ số 72) là sử dụng đất để làm gạch.

Ngày 08/12/2022, ông Hà Trọng M có đơn khởi kiện đề ngày 07/12/2022 và ngày 17/12/2022 ông Hà Trọng M có đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện với nội dung đề nghị Tòa án nhân tỉnh KONTUM:

- Hủy Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 29/3/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh KONTUM về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của ông Hà Trọng M.

- Hủy Quyết định số 1778/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố K về việc giải quyết khiếu nại của ông Hà Trọng M (lần đầu)

- Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP779655, số vào sổ CH04170, tại thửa đất số 7, tờ bản đồ số 74, vị trí đường L, phường Q, thành phố K, diện tích 7.805,2m<sup>2</sup> do UBND thành phố K cấp cho ông Lâm H S và bà Nguyễn Thị Quốc K. (liên quan đến phần diện tích đất 640m<sup>2</sup> mà cha mẹ ông Hà Trọng M để lại).

*Ý kiến của người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh KONTUM trình bày như sau:*

- + Ông Hà Trọng M có đơn khiếu nại (lần đầu) đề ngày 07/9/2020 gửi Chủ tịch UBND thành phố K với nội dung “*khiếu nại Văn bản số 3170/UBND-TD ngày 23/7/2020 của UBND thành phố K về việc trả lời đơn của công dân, vì văn bản nêu trên có những nội dung không đúng với T tư 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; đề nghị xem xét việc cấp GCNQSDĐ cho ông Lâm H S và bà Nguyễn Thị Quốc K đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông Hà Trọng M*”.

Ngày 18/11/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố K ban hành Quyết định số 1778/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Hà Trọng M (lần đầu), với kết quả không công nhận toàn bộ nội dung khiếu nại của ông Hà Trọng M.

Không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chủ tịch UBND thành phố K tại Quyết định số 1778/QĐ-UBND ngày 18/11/2020; ông Hà Trọng M tiếp tục có đơn khiếu nại (lần hai) đề ngày 07/01/2021 gửi Chủ tịch UBND tỉnh KONTUM yêu cầu xem xét, giải quyết khiếu nại (lần hai).

Ngày 21/01/2021, Chủ tịch UBND tỉnh KONTUM đã ban hành Quyết định số 55/QĐ-UBND về việc giao nhiệm vụ xác minh, tham mưu giải quyết đơn khiếu nại (lần hai) của công dân, theo đó Chủ tịch UBND tỉnh giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành xác minh, làm rõ nội dung khiếu nại và đề xuất hướng giải quyết đối với Đơn khiếu nại (lần hai) của ông Hà Trọng M theo quy định của pháp luật. Qua kết quả xác minh, làm rõ nội dung khiếu nại và kết quả đối thoại trực tiếp với ông Hà Trọng M ngày 24/3/2021, Chủ tịch UBND tỉnh KONTUM đã ban hành Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 29/3/2021 về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của ông Hà Trọng M, với nội dung: *Không công nhận toàn bộ khiếu nại của ông Hà Trọng M, cư trú tại số 01 đường N, tổ 4, phường Q, thành phố K với nội dung: khiếu nại Văn bản số 3170/UBND-TD ngày 23/7/2020 của UBND thành phố K về trả lời đơn của ông Hà Trọng M liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Lâm H S và đề nghị xem xét hủy một phần cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Lâm H S và bà Nguyễn Thị Quốc K liên quan đến diện tích 640m<sup>2</sup> đất của cha, mẹ ông....Giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1778/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của Chủ tịch UBND thành phố K về việc giải quyết khiếu nại của ông Hà Trọng M (lần đầu) ”.*

Căn cứ tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình xác minh, kết quả làm việc với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh KONTUM giữ nguyên nội dung giải quyết khiếu nại (lần hai) đối với sự việc khiếu nại của ông Hà Trọng M tại Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 29/3/2021 và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh KONTUM xem xét, giải quyết đơn khởi kiện vụ án hành chính của ông Hà Trọng M theo hướng: Bác đơn khởi kiện của ông Hà Trọng M.

*Ý kiến của người bị kiện UBND thành phố K, Chủ tịch UBND thành phố K trình bày như sau:*

Vụ việc của ông Hà Trọng M đã được Chủ tịch UBND thành phố K giải quyết khiếu nại (lần đầu) tại Quyết định số 1778/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 (được đính chính) tại Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày 24/11/2020). Đồng thời vụ việc cũng đã được Chủ tịch UBND tỉnh KONTUM giải quyết khiếu nại (lần hai) tại Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 29/3/2021. Do đó, Ủy ban nhân dân thành phố K giữ nguyên quan điểm đã được giải quyết tại Quyết định số 1778/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 và không có ý kiến đối với nội dung khởi kiện của ông Hà Trọng M. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh KONTUM căn cứ hồ sơ thu thập để xét xử theo quy định.

*Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND phường Q, thành phố K:*

Về việc lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số CP779655, số vào sổ CH04170, tại thửa đất số 7, tờ bản đồ số 74, vị trí đường L, phường Q, thành phố K cho ông Lâm H S và bà Nguyễn Thị Quốc K như sau:

Ngày 12/3/2018, Cán bộ địa chính phường Q tiếp nhận hồ sơ cấp GCNQSDĐ của ông Lâm H S, vào thời điểm tiếp nhận hồ sơ của ông Lâm H S nộp vào UBND phường gồm các giấy tờ sau: 01 Giấy sang nhượng đất giữa ông Hà Trọng T và bà Lê Thị H sang nhượng cho ông Lâm H S và bà Nguyễn Thị Quốc K với tổng diện tích  $2.382\text{m}^2$  (có xác nhận việc mua bán của UBND phường Q ngày 02/4/2000); 01 Biên bản xác minh ngày 28/5/2007 của UBND phường Q đối với thửa đất ông S nhận chuyển nhượng từ ông T, bà H, diện tích xác minh là  $2.571,7\text{m}^2$  do UBND phường Q tổ chức xác minh; 01 Giấy sang nhượng đất của ông A -W cho bà Nguyễn Thị Quốc K với diện tích  $6.000\text{m}^2$  vào ngày 10/11/1991 (có xác nhận việc mua bán của UBND xã V ngày 29/8/1995); 01 Biên bản xác minh ngày 02/7/2005 đối với thửa đất bà K nhận chuyển nhượng từ ông A W do UBND phường Q tổ chức xác minh; 01 Giấy sang nhượng đất của bà Lê Thị L sang nhượng cho bà Nguyễn Thị Quốc K vào ngày 20/6/2006 với tổng diện tích  $450\text{m}^2$ .

Sau khi tiếp nhận hồ sơ vào ngày 14/3/2018 chủ sử dụng đất chỉ các mốc ranh giới sử dụng đất của các hộ, chủ hộ cùng cán bộ địa chính phường và cán bộ Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố tổ chức đo đạc và kiểm tra thực địa lô đất và có đưa các hộ liên kề ký vào giáp ranh tứ cận lô đất theo quy định.

Vào ngày 14/3/2018, phường đã tổ chức họp lấy ý kiến xác minh nguồn gốc đất của ông Lâm H S tại thời điểm xác minh đã mời cán bộ biết rõ nguồn gốc sử dụng đất của ông Lâm H S để cho ý kiến về việc sử dụng đất của ông S, bà K; tại buổi họp các hộ cho biết việc ông S sử dụng đất ổn định và không có tranh chấp; chủ trì cuộc họp là tổ trưởng tổ dân phố 16 phường Q.

Ngày 14/3/2018, UBND phường Q đã ra T báo số 55/TB-UBND và lập danh sách niêm yết công khai hồ sơ đất của ông Lâm H S tại tổ dân phố và UBND phường Q trong vòng 15 ngày, đến ngày 29/3/2018 kết thúc niêm yết không có ai có ý kiến đối với đất của ông Lâm H S.

UBND phường Q tiến hành các bước tham mưu cho UBND thành phố K về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lâm H S và bà Nguyễn Thị Quốc K theo đúng quy định của pháp luật.

*Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm H S và bà Nguyễn Thị Quốc K trình bày:*

Nguồn gốc lô đất của vợ chồng tôi Lâm H S và Nguyễn Thị Quốc K là nhận chuyển nhượng của ba hộ gia đình gồm: gia đình ông A W, bà Y S với diện tích  $6.000\text{m}^2$  vào ngày 10/01/1991; Nhận chuyển nhượng của gia đình ông

Hà Trọng T và bà Lê Thị H diện tích 2.382 m<sup>2</sup> vào ngày 01/4/2000; Nhận chuyển nhượng của bà Lê Thị L với diện tích 450m<sup>2</sup> vào ngày 01/4/2006.

Đất của vợ chồng tôi đã làm thủ tục đăng ký đất đai và đã được Ủy ban nhân dân thành phố K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP779655, số vào sổ CH04170 tại thửa đất số 7, tờ bản đồ số 74, vị trí đường L, phường Q, thành phố K, diện tích 7.805,2m<sup>2</sup>.

Quá trình sử dụng đất gia đình tôi đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ tài chính từ khi nhận chuyển nhượng năm 1991 cho đến khi Nhà nước miễn thuế đất nông nghiệp năm 2011. Đất đã được gia đình tôi san ủi mặt bằng đào 3.000m<sup>2</sup> ao nuôi cá, trồng cây lấy gỗ. Quá trình sử dụng từ năm 1991 đến năm 2018 là 27 năm không có tranh chấp.

Về vị trí tranh chấp: Người khởi kiện ông Hà Trọng M cho rằng giấy phân chia của Hợp tác xã gạch ngói T cho ông H Khắc H năm 1981 (lô thứ 37) tiếp giáp đường L 20m, chiều sâu 100m (20mx100m). Người khởi kiện nêu lô đất này ông H Khắc H bán một phần phía trước (phía Đông) tiếp giáp đường L cho nhiều người có chiều sâu 60m (về phía Tây). Phần còn lại người khởi kiện cho rằng UBND thành phố K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông S, bà K chồng lên diện tích đó. Mặt khác, phần diện tích đất người khởi kiện tranh chấp không phù hợp với vị trí, kích thước, hình dạng, diện tích còn lại sau khi cha của ông M là ông H Khắc H bán một phần đất (2.000m<sup>2</sup> - 700m<sup>2</sup>) do Hợp tác xã gạch ngói T phân chia cho ông H Khắc H.

Trên thực địa, ông H Khắc H có 01 lô đất tại tờ bản đồ số 74 có chiều tiếp giáp đường L bề ngang 10m, sâu 70m, diện tích 700m<sup>2</sup>. Nguồn gốc 700m<sup>2</sup> đất này là ông H Khắc H nhận chuyển nhượng của gia đình ông A D làng P. Diện tích đất nêu trên ông H Khắc H đã bán hết cho ông Thái Văn T và ông Thượng. Như vậy, tại tờ bản đồ số 74 ông H Khắc H không còn đất.

Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh KONTUM không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Trọng M.

*Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị Xuân H, bà Hà Thị Xuân T, bà Hà Thị Bích N, bà Hà Thị Xuân T, ông Hà Trọng H, ông Hà Trọng T và người đại diện theo ủy quyền ông Trương Văn H:* Thống nhất và đồng ý với toàn bộ nội dung khởi kiện và ý kiến của ông Hà Trọng M.

*Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H trình bày:*

Vợ chồng bà Lê Thị H và ông Hà Trọng T được Hợp tác xã gạch ngói T cấp diện tích 1.500m<sup>2</sup> đất (ngang 15m, dài 100m) tại đường L, phường Q, thành phố K, đất này chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài ra, bà và ông T còn mua đất của người đồng bào dân tộc. Tất cả giấy tờ, tài liệu liên quan đến đất đai của bà và ông T thì ông Hà Trọng M đến nhà và lấy đi hết; hiện tại bà không còn lưu giữ giấy tờ gì. Ông Hà Trọng T đã chết vào năm 2009. Khi còn

sống, ông T có chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông bà cho ông Lâm H S, còn diện tích bao nhiêu, năm nào thì bà không nhớ. Ngoài ra, năm 1999 ông H Khắc H và ông Hà Trọng T mỗi người góp mấy mét đất rồi cùng chuyển nhượng cho ông Trần H, cụ thể mỗi người góp bao nhiêu mét thì bà không nhớ. Khi còn sống ông H Khắc H cũng không cho vợ chồng bà diện tích đất nào. Bà cho rằng đất của ông H Khắc H được Hợp tác xã gạch ngói T cấp sát đất của vợ chồng bà. Hạn mức trước đây Hợp tác xã gạch ngói T cấp cho mỗi hộ gia đình (mỗi thành viên) là  $1.500m^2$ . Đối với việc khởi kiện của ông Hà Trọng M bà đề nghị giải quyết theo pháp luật và không có ý kiến gì thêm. Ngoài ra, bà Lê Thị H có đơn đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt vì không thể tham gia tố tụng.

*Người làm chứng ông Thái Văn T có ý kiến:* Ông chỉ biết ông Hà Trọng M là con của ông H Khắc H, ông H là người bán đất cho ông trước đây còn ông Lâm H S là người được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sát với đất của ông, ngoài ra ông không biết gì liên quan đến tranh chấp giữa ông Hà Trọng M và ông Lâm H S.

*Ý kiến của người làm chứng ông Vương Toàn T:* Trước đây ông có chạy máy sản xuất gạch ngói cho ông H Khắc H nên ông biết được vị trí đất của ông H Khắc H. Đất của ông H Khắc H (tính từ Bắc sang Nam) rồi đến đất của ông Ngô Tịnh, tiếp đến là đất của ông Đặng Hồng T, hiện tại là đất của ông Lâm H S. Hai lô đất trên cách nhau chứ không sát hay trùng nhau.

*Ý kiến của người làm chứng ông Trần L:* Ông là cậu của người bị kiện ông Hà Trọng M (mẹ của ông Hà Trọng M là con bác, còn ông L là con chú). Trước đây ông có mua đất của ông H Khắc H chiều ngang 5m, chiều dài 75m, khi chuyển nhượng thì hai bên chỉ viết giấy tay, ông không biết nguồn gốc đất này, không còn nhớ thời gian chuyển nhượng vào năm nào và không còn nhớ tứ cận, hay vị trí cụ thể vì thời gian đã quá lâu; ông chỉ nhớ là giáp đất của ông Hà Trọng T. Sau đó, ông Trần L chuyển nhượng phần diện tích đất trên cho ông Hà Trọng T, còn ông T sau đó chuyển nhượng cho ai thì ông không rõ.

*Ý kiến của người làm chứng ông Trịnh M:* Ông Trịnh M làm việc tại Hợp tác xã gạch ngói T từ năm 1975 (sau ngày giải phóng) đến năm 1993 thì nghỉ. Trước đây ông giữ chức Tổ trưởng tổ 1 tổ sản xuất của Hợp tác xã gạch ngói T, sau đó làm trong Ban kiểm soát của Hợp tác xã.

Quá trình làm việc, ông biết hạn mức mà Hợp tác xã cấp đất cho mỗi xã viên như sau: Hộ gia đình có một xã viên tham gia Hợp tác xã thì được cấp hạn mức là  $1.500m^2$ ; Hộ gia đình có 2 xã viên tham gia Hợp tác xã thì được cấp hạn mức là  $2.000m^2$  và chỉ được cấp duy nhất một lô đất. Hộ gia đình ông H Khắc H có 02 xã viên là ông H và vợ nên được cấp 01 lô đất diện tích  $2.000m^2$ . Ông M xác định lô đất mà ông H Khắc H được Hợp tác xã gạch ngói T cấp cách xa lô đất mà ông Lâm H S và bà Nguyễn Thị Quốc K đang quản lý, sử dụng hiện nay.

***Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2022/HC-ST ngày 17 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh KONTUM đã quyết định:***

Căn cứ vào khoản 2 Điều 3; Điều 5; Điều 30; khoản 3, khoản 4 Điều 32 khoản 1 Điều 115; khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 116; Điều 157; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Điều 7; Điều 9; khoản 1 Điều 18; khoản 2 Điều 21; Điều 30, Điều 31 Điều 36; Điều 37; Điều 39; Điều 40 Luật khiếu nại 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ; T tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra chính phủ.

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hà Trọng M theo đơn khởi kiện đề ngày 07/12/2021 và đơn bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 17/12/2021 về việc:

Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) số 156/QĐ-UBND ngày 29/3/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh KONTUM; Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 1778/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố K và hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP779655, số vào sổ CH04170 ngày 22/11/2018 của UBND thành phố K cấp cho ông Lâm H S và bà Nguyễn Thị Quốc K.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 29/8/2022, người khởi kiện ông Hà Trọng M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Hà Trọng M do ông Trương Văn H đại diện theo uỷ quyền có đơn xin xét xử vắng mặt giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Tại đơn kháng cáo người khởi kiện ông Hà Trọng M cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không đúng nên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh KONTUM yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác kháng cáo của người khởi kiện ông Hà Trọng M và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện ông Hà Trọng M và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về phần thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Hà Trọng M do ông Trương Văn H là người đại diện theo uỷ quyền và người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh KONTUM đều có đơn xin xét xử vắng mặt, một số

đương sự khác đều vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự nói trên. Xét đây là phiên toà phúc thẩm mở lần thứ ba, các đương sự đã được triệu tập hợp lệ, việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên căn cứ điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 225 Luật tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về phần nội dung: Căn cứ giấy phân chia đất cho xã viên Hợp tác xã gạch ngói T xây dựng nhà ở và lập kinh tế vườn số 37/HTX/33/TN ngày 10/10/1981 thì ông H Khắc H (cha của ông Hà Trọng M) là xã viên được Hợp tác xã gạch ngói T phân chia cho một lô đất vị trí thứ 37, chiều dài 100m, chiều ngang 20m, tổng diện tích 2.000m<sup>2</sup> để xây dựng nhà ở, lập kinh tế vườn ổn định đời sống gia đình, đồng thời thuận tiện việc sản xuất gạch ngói. Giấy phân chia đất trên không ghi cụ thể về vị trí, tứ cận, ranh giới đối với diện tích đất phân chia cho ông H Khắc H.

Giấy phân chia đất trên là căn cứ theo biên bản cuộc họp giải quyết đất sản xuất gạch ngói ngày 05/5/1981. Nội dung biên bản thể hiện: Để thực hiện việc khoanh vùng sản xuất gạch ngói và xây dựng khu kinh tế mới cho xã viên Hợp tác xã gạch ngói T ra định canh, định cư tại khu vực sản xuất gạch ngói Rò Rễ và yêu cầu 19 chủ đất đang quản lý, sử dụng giao lại cho thị xã để thị xã khoanh vùng quy hoạch cho Hợp tác xã gạch ngói T. Các chủ đất đã nhất trí giao lại cho Hợp tác xã gạch ngói T toàn bộ lô đất tại khu vực sản xuất gạch ngói Rò Rễ để khoanh vùng sản xuất và xây dựng kinh tế mới cho xã viên Hợp tác xã. Diện tích đất được giao có vị trí: Đông giáp đường lộ nối dài từ đường đi xã V đến Quốc lộ 14; Tây giáp đường dây thép; Nam giáp khu tập thể xí nghiệp sứ K; Bắc giáp Quốc lộ.

Quá trình sử dụng đất, ông H Khắc H đã chuyển nhượng đất cho nhiều người đã được bản án sơ thẩm nêu cụ thể.

Ông Hà Trọng M cho rằng, ông H Khắc H còn được Hợp tác xã gạch ngói T cấp thêm một lô đất khác, nhưng ông M không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho nội dung này. Những người làm chứng đều xác định Hợp tác xã chỉ cấp cho xã viên một lô đất duy nhất theo hạn mức từ 1.500m<sup>2</sup> đến 2.000m<sup>2</sup>.

Ông Hà Trọng M còn cho rằng, UBND thành phố K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lâm H S và bà Nguyễn Thị Quốc K chồng một phần diện tích 640m<sup>2</sup> thuộc lô đất số 37 do Hợp tác xã gạch ngói T cấp cho ông H Khắc H vào năm 1981 nên yêu cầu Tòa án hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND thành phố K cấp cho ông Lâm H S và bà Nguyễn Thị Quốc K. Nhưng xét, từ năm 1981 đến nay gia đình ông Hà Trọng M không đăng ký đất đai, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với

640m<sup>2</sup> đất đang khiếu nại (có kích thước chiều ngang 16m, chiều dài 40m) ông Hà Trọng M không cung cấp được hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất đối với diện tích đất nói trên. Do đó, yêu cầu này của ông Hà Trọng M không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Từ những chứng cứ đã được phân tích cho thấy: Tại Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1778/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của Chủ tịch UBND thành phố K và giải quyết khiếu nại lần hai số 156/QĐ-UBND ngày 29/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh KONTUM không chấp nhận toàn bộ khiếu nại của ông Hà Trọng M là có căn cứ. Do đó, bản án sơ thẩm tuyên xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hà Trọng M là đúng pháp luật nên bác kháng cáo của người khởi kiện ông Hà Trọng M và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3]. Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Hà Trọng M phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[4]. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Hà Trọng M và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 2 Điều 3; Điều 5; Điều 30; khoản 3, khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 116; Điều 157; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Điều 7; Điều 9; khoản 1 Điều 18; khoản 2 Điều 21. các Điều 30; 31; 36; 37; 39; 40 Luật khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ; T tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hà Trọng M theo đơn khởi kiện đề ngày 07/12/2021 và đơn bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 17/12/2021 về việc: Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) số 156/QĐ-UBND ngày 29/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh KONTUM; hủy Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 1778/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của Chủ tịch UBND thành phố K và hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 779655, sổ vào sổ CH 04170 ngày 22/11/2018 của UBND thành phố K cấp cho ông Lâm H S và bà Nguyễn Thị Quốc K.

2. Về án phí: Ông Hà Trọng M phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm. Được trừ 300.000 đồng ông Hà Trọng M đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000025 ngày 06/9/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh KONTUM.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phần chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh KONTUM;
- VKSND tỉnh K;
- Sở T pháp tỉnh K;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh K;
- Dương sự;
- Lưu HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Vũ Thanh Liêm**